TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liễu;

Ông Nguyễn Văn Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H – sinh năm1984; (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2017, bản tự khai ngày 12/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H yêu cầu giải quyết vụ án đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T như sau:

Vào năm 2012, chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, việc kết hôn của hai bên được đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố Sầm Sơn). Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra đầm ấm, hạnh phúc, nhưng cuộc sống hạnh phúc ấy chỉ kéo dài được một thời gian ngắn (khoảng 4 đến 6 tháng) thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T có tính ham chơi nên thường xuyên bỏ mặc gia

đình không chăm lo, quan tâm đến cuộc sống của chị và con nhỏ, thời gian đầu chị góp ý thì anh ít đi nhưng thời gian càng về sau (khoảng cuối năm 2014) thì anh thường xuyên vắng nhà và xa lánh chị nhiều hơn, khi chị tìm hiểu ra thì được biết, anh đi làm ăn xa nhưng không bàn bạc với chị, có những hôm anh về nhà nhưng khi chị hỏi anh còn tỏ vẻ thái độ khó chịu, thậm chí còn chửi bới, xúc phạm tới danh dự, nhân phẩm và còn đe dọa hành hung. Cũng chính vì anh có thái độ cư xử với chị như vậy, nên hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, kể từ thời điểm đầu năm 2015, chị và anh T đã sống xa nhau mỗi người một nơi, anh và chị chỉ thông tin cho nhau qua điện thoại, nhưng anh cũng không nói cho chị biết về công việc cũng như nơi sinh sống của anh. Để ổn định tư tưởng công tác và chăm lo gia đình, chị đề Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Lê Thiên C, sinh ngày 22/04/2013. Từ khi vợ, chồng ly thân thì cháu C vẫn ở với chị, hiện chị là giáo viên của trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Nay chị xin ly hôn, nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải thực hiện cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án, Văn phòng Thừa phát lại đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh T theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, sau nhiều lần Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Qua tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bị đơn, được lập vào ngày 20/6/2017 thì Công an phường T cung cấp; anh Nguyễn Văn T sinh năm 1978 là con ông Nguyễn Văn G và bà Văn Thị M đã đăng ký nhân hộ khẩu thường trú tại khu phố S, phường T, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hiện anh T chưa chuyển khẩu và đăng ký tạm vắng, tạm trú ở nơi khác, đồng thời tiến hành xác minh thông tin cư trú đối với bị đơn tại gia đình được lập vào ngày 30/6/2017 thì ông Nguyễn Văn G và bà Văn Thị M cung cấp thông tin rằng; ông G và bà M không biết rõ địa chỉ của anh T (con ông bà) hiện cư trú ở đâu, chỉ biết anh T đã đi làm ăn xa và không ở địa chỉ ổn định, gia đình chỉ liên lạc với anh qua điện thoại, gia đình còn cho biết anh Nguyễn Văn T đã biết việc chị Lê Thị H làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, nhưng anh nói là anh không về và thể hiện ý chí bỏ mặc không hợp tác cung cấp thông tin.

Để đảm bảo quy định hòa giải, Tòa án đã tiến hành thu thập thông tin về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không tiến hành hòa giải được do một bên đương sự vắng mặt.Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải (Điều 207 BLTTDS), Tòa án căn cứ được theo quy định tại khoản 2 Điều 208 BLTTD Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa lần thứ hai, chị Lê Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì lý do công tác và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.Vì lý do quyền riêng tư, chị đề nghị không công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Do các đương

sự đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập, công bố lý do vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết vụ án, chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn và giao con cho chi H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 08/6/2017, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn", và được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, việc kết hôn được Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã Sầm Sơn (nay là phường T thành phố Sầm Sơn) cấp giấy chứng nhận kết hôn, tại thời điểm kết hôn cả hai bên anh và chị đều đủ tuổi kết hôn không vi phạm các quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2012 chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T tổ chức kết hôn xây dựng gia đình hạnh phúc, sau khoảng thời gian chung sống thì cả anh và chị đều bộ lộ những tính cách riêng của mình nên cuộc sống hôn nhân của anh, chị không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, mà dẫn đến vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là thời điểm khi chị đang nuôi con nhỏ, anh thường xuyên vui bạn bè không quan tâm tới gia đình, không chăm lo cuộc sống cho chị và con, đến khoảng cuối năm 2014 thì thái độ cư xử của anh đối với chị càng thể hiện rõ hơn, vì những lần anh vắng nhà nhiều hơn mà không rõ lý do, khi được chị quan tâm hỏi han góp ý thì anh lại chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và thậm chí còn bị anh đe dọa hành hung dùng vũ lực. Cũng chính xuất phát từ mâu thuẫn đó mà chị đã suy nghĩ và quyết định sống ly thân đối với anh. Nay tình cảm của anh và chị đã thực sự không còn dành cho nhau, tình cảm vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa mà không có sự gắn kết, thương yêu lẫn nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài mà không tìm ra biện pháp giải quyết để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, cuộc hôn nhân của anh, chị đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được mục đích hôn nhân. Do đó, nguyện vọng của chị H được ly hôn với anh T là có cơ

sở chấp nhận, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấm dứt quan hệ hôn nhân của anh và chị như hiện nay.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn T. Theo đăng ký hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Văn Thị M tại khu phố S, phường T, thành phố Sầm Sơn thì anh Nguyễn Văn T hiện đang thường trú tại địa chỉ trên, phù hợp với thông tin địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phánTòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án được coi là trường hợp cố tình vắng mặt, không thông báo địa chỉ cho nguyên đơn biết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cư do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, theo quy định các Điều 220, Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[5] Về con chung: Trong giấy khai sinh cũng như sổ hộ khẩu gia đình do chị H cung cấp thì anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Lê Thiên C, sinh ngày 22/4/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Tại phiên tòa, anh T không có mặt nên không có thông tin về mức thu nhập và các điều kiện nuôi con đối với anh. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên là phù. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Nguyễn Văn T không cung cấp thông tin khai báo, cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H không thuộc đối tượng xem xét miễn nộp, giảm tiền án phí, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, chị phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm mức án phí không có giá ngạch nhưng được đối trừ vào số tiền án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố Sầm Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H. Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Công nhận chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Lê Thiên C. Giao cháu Nguyễn Lê Thiên C sinh ngày 22/4/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu thành niên, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, chị H và người thân không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0006162 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai vắng mặt chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Sầm Sơn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Tp. Sầm Sơn;
- Chi cục THA DS Tp. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi